

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 15/8/2017

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến

Ông Lê Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Vũ-Cán bộ TAND tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Bà Vũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Ông Đoàn Ngọc C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 207, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

-Bị đơn: **Bà Phan Thị H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 28D, Khu 97, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đoàn Ngọc C

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Ngọc C trình bày:

Ông và bà Phan Thị H xây dựng gia đình vào năm 2002, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và kéo dài cho đến nay. Do đó, ông đề nghị Tòa án xem xét cho ông được ly hôn với bà H vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa.

Về con chung: Có 02 cháu là Đoàn Ngọc S, sinh ngày 23/9/2002 và Đoàn Phan Ngọc H, sinh ngày 21/01/2011. Nếu ly hôn thì ông đồng ý giao cả 02 con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Phan Thị H trình bày: Bà và ông Đoàn Ngọc C xây dựng gia đình năm 2002, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Nay ông C có yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn có thể hàn gắn đoàn tụ được.

Về con chung: Có 02 cháu là Đoàn Ngọc S, sinh ngày 23/9/2002 và Đoàn Phan Ngọc H, sinh ngày 21/01/2011. Nếu ly hôn thì bà xin được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu. Đồng thời, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản án sơ thẩm số 130/2017/HNGĐ-ST ngày 15/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B quyết định:

Không chấp nhận đơn yêu cầu của ông Đoàn Ngọc C với bà Phan Thị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn Ngọc C phải nộp 200.000đ đã nộp tại Biên lai số 7515 ngày 02/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/5/2017, ông Đoàn Ngọc C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đồng ý ly hôn, ông C và bà H thỏa thuận giao cháu 2 cháu Đoàn Ngọc S-sinh ngày 23/9/2002 và Đoàn Phan Ngọc H-sinh ngày 21/01/2011 cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng/1 cháu. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản sơ thẩm theo hướng thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Ngọc C trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[II] Về nội dung:

Ông Đoàn Ngọc C và bà Phan Thị H xây dựng gia đình năm 2002, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo ông Cường thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và kéo dài đến nay nên xin được ly hôn. Còn bà Phan Thị H cho rằng cuộc sống chung vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Ngọc C: Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay, khó có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà H đã xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay và vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên bà H đồng ý ly hôn. Ông C và bà H đã thỏa thuận, giao 2 cháu Đoàn Ngọc S-sinh ngày 23/9/2002 và Đoàn Phan Ngọc H-sinh ngày 21/01/2011 cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ /tháng/2 cháu từ tháng 8/2017. Cháu Đoàn Ngọc S có đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Đ có nguyện vọng được ở với mẹ. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự. Nên ghi nhận sự thỏa thuận. Sửa bản án sơ thẩm.

[III] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không đặt ra giải quyết.

[IV] Về án phí: Ông C phải chịu án phí mức cấp dưỡng nuôi con chung và phải chịu án phí phúc phẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa bản án số 130/2017/HNGĐ-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố B. Theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL ngày 29/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của của ông Đoàn Ngọc C với bà Phan Thị H.

Về con chung: Ông Đoàn Ngọc C và bà Phan Thị H thỏa thuận giao cháu Đoàn Ngọc S, sinh ngày 23/9/2002 và cháu Đoàn Phan Ngọc H, sinh ngày 21/01/2011 cho bà Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi

trưởng thành. Ông Đoàn Ngọc C cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng/2 cháu kể từ tháng 8/2017 cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông C có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Đoàn Ngọc C phải chịu 200.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007515 ngày 02/8/2016 và số 009741 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B. Ông C còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1)
- TAND TP.Biên Hòa (1)
- THADS TP.Biên Hòa (1)
- Đương sự (2)
- Lưu (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Đào